

Bản án số: 64/2024/HC-PT

Ngày 29 - 01 - 2024

V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân Hương.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cường;
Ông Hồ Sỹ Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Khúc Thị Hoàng Hạnh, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 720/2023/TLPT-HC ngày 26 tháng 10 năm 2024 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 16/2023/HC-ST ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 463/2024/QĐPT-HC ngày 10 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Công ty cổ phần T2.

Địa chỉ: Lô A, đường T, khu T, phường D, thành phố L, tỉnh H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Ngọc Q, Giám đốc. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn P, Phó Giám đốc. Địa chỉ: Tổ C, phường K, thành phố L, tỉnh H. Có mặt.

2. Người bị kiện: Ban quản lý khu kinh tế tỉnh L.

Địa chỉ: Số A đường N, phường L, thành phố L, tỉnh H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vương Trinh Q1, Trưởng Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh L. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Đức T, Phó Trưởng Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh L. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Đơn khởi kiện và trình bày của người khởi kiện tại Tòa án cấp sơ thẩm có nội dung:

Ngày 17/5/2017, Công ty cổ phần T2 (gọi tắt: Công ty T2) nhận chuyển nhượng dự án Xưởng sửa chữa ô tô, máy móc thiết bị công trình và sản xuất bê tông xi măng (tại Lô A, đường A, khu công nghiệp B, phường D, thành phố L, tỉnh H trên diện tích đất 4.510,5m²) từ Công ty TNHH X (gọi tắt: Công ty X). Dự án được Cục thuế tỉnh H miễn tiền thuê đất cho Công ty X tại Quyết định số 2012/QĐ-CT ngày 23/6/2015, thời gian miễn tính từ tháng 11/2014 đến hết tháng 05/2025.

Sau khi chuyển nhượng, Công ty T2 được UBND tỉnh L cho thuê đất tại Quyết định số 5330/QĐ-UBND ngày 29/11/2017. Ngày 22/01/2018 Công ty T2 đã ký Hợp đồng thuê đất số 07/HĐTĐ với Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh L.

Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư và sản xuất kinh doanh Công ty T2 luôn chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước nhất là việc thực hiện nghĩa vụ thuế hàng năm. Trong thời gian các năm 2020 và 2021 đơn vị có 01 Đoàn kiểm tra của UBND tỉnh và 02 Đoàn kiểm tra của cơ quan Thuế đã kiểm tra và kết luận trong đó có nội dung liên quan đến thủ tục về tiền thuê đất đã được Công ty thực hiện đúng quy định, trích các nội dung kết luận kiểm tra như sau:

- Đoàn kiểm tra của UBND tỉnh kiểm tra ngày 09/7/2020: “Về thủ tục pháp lý: Công ty đã hoàn thiện đầy đủ các thủ tục về đất đai, môi trường, PCCN, giấy phép xây dựng”.

- Đoàn kiểm tra của Chi cục Thuế khu vực L kiểm tra ngày 11/12/2020: “Đơn vị được miễn tiền thuê đất đến hết tháng 5/2025 theo Quyết định số 2102/QĐ-CT ngày 23/9/2015 của Cục Thuế tỉnh L (Đơn vị nhận chuyển nhượng từ Công ty TNHH X. Căn cứ khoản 7, Điều 12, mục 3, Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước đơn vị tiếp tục được miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định cho thời gian còn lại của dự án)”.

- Đoàn kiểm tra của Cục T tỉnh kiểm tra ngày 25/8/2021: “Về tiền thuê đất: Công ty có Quyết định thuê đất, hợp đồng thuê đất, Quyết định miễn tiền thuê đất theo Quyết định số 2102/QĐ-CT ngày 23/9/2015 của Cục Thuế tỉnh L theo quy định”.

Sau khi có kết luận của các đoàn kiểm tra trên, công ty thực hiện dự án đầu tư và sản xuất kinh doanh đúng mục đích và chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và không nhận được bất kỳ thông báo nộp tiền thuê đất nào.

Ngày 09/11/2021 Công ty T2 nhận được Văn bản số 1531/BQL-TNMT của Ban quản lý khu kinh tế v/v làm việc một số nội dung liên quan đến hồ sơ đất của công ty. Tại buổi làm việc ngày 14/12/2021, Ban Q cho biết Công ty T2 chưa làm

hồ sơ xin miễn tiền thuê đất từ năm 2018 sau khi nhận chuyển nhượng nên phải nộp tiền thuê đất trong suốt thời gian trên theo quy định tại Nghị định 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, khu Công nghệ cao và Thông tư 89/2017/TT-BTC ngày 23/8/2017 của **Bộ T3** về hướng dẫn thi hành Nghị định 35/2017/NĐ-CP.

Tháng 5/2022, **Công ty T2** đã nộp hồ sơ xin miễn tiền thuê đất theo hướng dẫn của **Ban Q**. Ngày 14/6/2022, **Ban Q** đã ban hành Quyết định số 86/QĐ-BQL về việc miễn tiền thuê đất cho **Công ty T2**. Tuy nhiên thời gian miễn tiền thuê đất chỉ được tính toán áp dụng cho thời gian từ tháng 5/2022 đến hết tháng 5/2025. Như vậy thời gian từ năm 2018 đến tháng 4/2022 không được miễn.

Trong khi đó, Ban quản lý khu kinh tế đã ban hành 03 Thông báo về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước theo hình thức nộp hàng năm gồm:

- Thông báo số 156/TB-BQL ngày 29/4/2022 về tiền thuê đất, thuê mặt nước năm 2022, số tiền 304.458.750 đồng;
- Thông báo số 199/TB-BQL ngày 11/7/2022 về tiền thuê đất, thuê mặt nước từ năm 2018 đến hết năm 2022, số tiền 1.217.835 đồng;
- Thông báo số 200/TB-BQL ngày 11/7/2022 về tiền thuê đất, thuê mặt nước từ tháng 01/2022 đến tháng 4/2022, số tiền 101.486.250 đồng, thay thế Thông báo số 156/TB-BQL ngày 29/4/2022.

Sau khi nhận được các Thông báo nộp tiền thuê đất hàng năm của **Ban Q**, **Công ty T2** đã nhiều lần có đề nghị xem xét để được hưởng chính sách ưu đãi miễn tiền thuê đất của Nhà nước trong thời gian từ 2018 đến hết tháng 4/2022 nhưng Ban quản lý khu kinh tế không nhất trí.

Sau khi xem xét hồ sơ, đối chiếu với các quy định của pháp luật, **Công ty T2** nhận thấy Ban quản lý khu kinh tế đã thực hiện sai một số nội dung như sau:

- Trong quá trình triển khai tập huấn hướng dẫn thực hiện các thủ tục liên quan đến hồ sơ miễn, giảm tiền thuê đất theo Nghị định 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ và Thông tư 89/2017/TT-BTC ngày 23/8/2017 của **Bộ T3**, **Công ty T2** không được mời tham gia.

- Việc ban hành các Thông báo thu tiền thuê đất hàng năm của Ban quản lý khu kinh tế đối với **Công ty T2** chưa đúng theo quy định tại điểm 1 khoản 1 và khoản 2 Điều 22 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Trong khi đó tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ chỉ quy định bãi bỏ khoản 4 Điều 19, khoản 2 Điều 20 của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP, các quy định khác của không thay đổi. Từ đó có thể thấy dự án vẫn được chuyển tiếp hưởng chính sách miễn tiền thuê đất theo quy định tại khoản 7 Điều 12 Mục 3 Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của **Bộ T3** về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Việc

ban hành các thông báo nộp tiền thuê đất phải được thực hiện hàng năm, trong khi Ban Quản lý khu kinh tế lại ban hành thu tiền cho 04 năm trong cùng thời điểm.

- Theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 8 Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ thì Dự án của Công ty được hưởng chính sách miễn tiền thuê đất sau khi nhận chuyển nhượng dự án vì không thay đổi mục đích sử dụng đất. Năm 2020 và 2021, Đoàn kiểm tra của UBND tỉnh và 02 Đoàn kiểm tra của cơ quan Thuế đã kiểm tra đều kết luận: *Công ty đã hoàn thiện đầy đủ các thủ tục về đất đai, môi trường, PCCN, giấy phép xây dựng...; Đơn vị được miễn tiền thuê đất đến hết tháng 5/2025 theo Quyết định số 2102/QĐ-CT ngày 23/9/2015 của Cục Thuế tỉnh L.*

- Ban quản lý khu kinh tế đã áp sai đối tượng đối với dự án của Công ty T2, cụ thể theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư số 89/2017/TT-BTC ngày 23/8/2017 của Bộ T3 về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ. Trong đó quy định: *“Tổ chức, cá nhân được Ban Q cho thuê đất, thuê mặt nước chỉ được hưởng ưu đãi, miễn giảm sau khi làm các thủ tục miễn giảm”*. Trong khi dự án của Công ty T2 được UBND tỉnh cho thuê đất theo quy định tại Điều 59 Luật Đất đai 2013, dự án này không thuộc đối tượng được Ban quản lý khu kinh tế cho thuê đất. Bên cạnh đó dự án đã được cơ quan T1 quyết định miễn tiền thuê đất đến hết tháng 5/2025 nên khi Nghị định 35/2017/NĐ-CP và Thông tư 89/2017/TT-BTC có hiệu lực thi hành thì dự án của Công ty T2 tiếp tục được chuyển tiếp thực hiện chính sách ưu đãi tiền thuê đất hàng năm, không thuộc đối tượng phải làm lại hồ sơ.

Căn cứ các quy định trên, Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Hủy Thông báo nộp tiền số 199/TB-BQL ngày 11/7/2022 của Ban quản lý khu kinh tế tỉnh L về tiền thuê đất, thuê mặt nước theo hình thức nộp hàng năm.

- Hủy Thông báo nộp tiền số 200/TB-BQL ngày 11/7/2022 của Ban quản lý kinh tế tỉnh L về tiền thuê đất, thuê mặt nước theo hình thức nộp hàng năm.

Đại diện người bị kiện (Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh L) trình bày:

Thứ nhất: Về hồ sơ của Công ty T2.

- Ngày 13/11/2014, Công ty TNHH X được UBND tỉnh L cho thuê đất tại Quyết định số 3534/QĐ-UBND; Hợp đồng thuê đất số 82/HĐTĐ ngày 31/12/2014; Quyết định miễn tiền thuê đất số 2102/QĐ-CT ngày 23/6/2015 của Cục thuế tỉnh L (thời gian miễn 10 năm 07 tháng (từ tháng 11/2014 đến hết tháng 5/2025)).

- Ngày 29/11/2017, Công ty T2 (nhận chuyển nhượng từ Công ty TNHH X) đã được UBND tỉnh cho thuê đất tại Quyết định 5330/QĐ-UBND; phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của Văn phòng đăng ký đất đai số 17/PCTTĐC ngày 11/01/2018; Hợp đồng thuê đất số 07/HĐTĐ ngày 22/01/2018.

Thứ hai: Thẩm quyền giải quyết hồ sơ miễn tiền thuê đất:

- Từ tháng 3/2018 trở về trước: Thẩm quyền giải quyết hồ sơ miễn tiền thuê đất của các tổ chức, cá nhân trong Khu kinh tế do **Cục Thuế tỉnh L** giải quyết.

- Từ tháng 4/2018 đến nay: Thực hiện Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao; Thực hiện sự chỉ đạo của **UBND tỉnh L** tại văn bản số 170/UBND - TH ngày 16/01/2018 của **UBND tỉnh L** về việc triển khai thực hiện Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao. Ngày 03/4/2018, **Cục thuế tỉnh L** đã chuyển danh sách và hồ sơ của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sang Ban quản lý Khu kinh tế quản lý (văn bản số 1201/CT-THNVDT). Như vậy, từ tháng 4/2018 Ban quản lý khu kinh tế tiếp quản và giải quyết hồ sơ miễn tiền thuê đất của các tổ chức, cá nhân trong Khu kinh tế.

Thứ ba: Quá trình giải quyết hồ sơ thuê đất của **Công ty T2**:

Ngay sau khi nhận nhiệm vụ theo Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ, **Ban Q** đã rà soát và thông báo đến các tổ chức thuê đất trên địa bàn Khu kinh tế để làm thủ tục được hưởng quyền lợi sau khi chuyển nhượng cụ thể:

- Ngày 25/6/2018, **Ban Q** tổ chức Lớp tập huấn về công tác bảo vệ môi trường, triển khai các nội dung liên quan đến Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ trong đó có mời **Công ty T2** đến làm việc (giấy mời số 579/BQL-TNMT ngày 25/6/2018).

- Ngày 30/9/2019, **Ban Q** ban hành văn bản số 1036/BQL-TNMT về việc đề nghị hoàn thiện thủ tục miễn tiền thuê đất sau khi nhận chuyển nhượng trong Khu kinh tế, tuy nhiên **Công ty T2** không triển khai thực hiện.

- Ngày 09/12/2021, **Ban Q** tiếp tục có văn bản số 1531/BQL-TNMT ngày 09/12/2021 làm việc về một số nội dung liên quan đến hồ sơ đất của **Công ty T2**. Tuy nhiên Ban quản lý Khu kinh tế không nhận được hồ sơ đề nghị miễn tiền thuê đất của đơn vị.

- Tháng 5/2022, **Công ty T2** nộp hồ sơ xin miễn tiền thuê đất tại **lô A, đường T, Khu công nghiệp B, phường D, thành phố L** (Biên bản bàn giao hồ sơ số 000.00.20.H38-220527-0001). **Ban Q** đã ban hành Quyết định số 86/QĐ-BQL ngày 14/6/2022 về việc miễn tiền thuê đất cho **Công ty T2**. Thời gian miễn tiền thuê đất: 03 năm 01 tháng (từ tháng 5/2022 đến hết tháng 5/2025); Sau khi ban hành Quyết định số 86/QĐ-BQL ngày 14/6/2022, phát hiện một số lỗi trong phần căn cứ ban hành Quyết định do đó **Ban Q** đã ban hành Quyết định số 88a/QĐ-BQL ngày 17/6/2022 về việc đính chính các căn cứ tại Quyết định số 86/QĐ-BQL ngày 14/6/2022 về việc miễn tiền thuê đất cho **Công ty T2**;

- **Ban Q** đã Thông báo nộp tiền thuê đất cho thời gian chưa làm thủ tục từ tháng 12/2017 đến hết tháng 4/2022 (Tại Thông báo số 199/TB-BQL và Thông báo số 200/TB-BQL ngày 11/7/2022).

- Ngày 04/8/2022, Ban Q đã có trả lời cụ thể Công ty T2 các nội dung liên quan đến hồ sơ miễn tại các văn bản: Văn bản số 805/BQL-TNMT (về việc trả lời văn bản số 50/BTDH-PL ngày 26/7/2022 của Công ty T2);

- Ngày 24/5/2022, Ban Q ban hành văn bản số 467/BQL-TNMT về trả lời các nội dung liên quan đến thông báo nộp tiền thuê đất của đơn vị.

- Ngày 24/11/2022, Ban Q đã có văn bản báo cáo UBND tỉnh L theo phiếu chuyển văn bản số 1416/PC-VPUBND ngày 03/11/2022 của UBND tỉnh về việc giải quyết đề nghị của Công ty T2 sau khi gửi xin ý kiến cơ quan Thuế.

Thứ tư: Về chính sách miễn tiền thuê đất của Công ty T2.

- Công ty T2 được thuê đất tại Quyết định số 5330/QĐ-UBND ngày 29/11/2017 của UBND tỉnh L. Theo quy định tại Khoản 8 Điều 8 Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ, Ban Q xác định Công ty T2 thực hiện đúng mục đích sử dụng đất sau khi nhận chuyển nhượng do đó đơn vị thuộc đối tượng được tiếp tục miễn, giảm tiền thuê đất cho thời gian còn lại (*áp dụng đối với trường hợp nhận chuyển nhượng dự án*).

- Căn cứ tại Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 89/2017/TT-BTC ngày 23/8/2017 của Bộ T3 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao:

“Tổ chức, cá nhân được Ban Q cho thuê đất, thuê mặt nước chỉ được hưởng ưu đãi miễn, giảm sau khi làm các thủ tục để được miễn, giảm cụ thể như sau:

“a. Trường hợp thuộc đối tượng được miễn, giảm nhưng không làm thủ tục để được miễn giảm thì phải nộp tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định của pháp luật....”

- Ngày 27/5/2022, Công ty T2 nộp hồ sơ xin miễn tiền thuê đất tại lô A, đường T, Khu công nghiệp B, phường D, thành phố L (Biên bản bàn giao hồ sơ số 000.00.20.H38-220527-0001).

- Căn cứ tại Khoản 4 Điều 8 Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao: *“Người nhận chuyển nhượng tiếp tục được miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước cho thời gian ưu đãi còn lại”*. Ngày 14/6/2022, Ban Q đã ban hành Quyết định số 86/QĐ-BQL về việc miễn tiền thuê đất cho Công ty T2, thời gian miễn tiền thuê đất: 03 năm 01 tháng (*từ tháng 5/2022 đến hết tháng 5/2025*).

- Thời gian chậm nộp hồ sơ là 4 năm 5 tháng (*từ tháng 12/2017 đến hết tháng 4/2022*), đơn vị phải thực hiện nộp tiền thuê đất theo quy định (Tại Thông báo số 199/TB-BQL và Thông báo số 200/TB-BQL ngày 11/7/2022).

Công ty T2 khởi kiện về 02 Thông báo nộp tiền thuê đất, thuê mặt nước theo hình thức nộp hàng năm (Thông báo số 199/TB-BQL và Thông báo số

200/TB-BQL ngày 11/7/2022) là không có căn cứ.

Bản án Hành chính sơ thẩm số 16/2023/HC-ST ngày 31/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh H đã Quyết định:

Căn cứ vào Điều 30, Điều 32, Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao; Thông tư số 89/2017/TT-BTC ngày 23/8/2017 của Bộ T3 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần T2:

- Hủy Thông báo nộp tiền số 199/TB-BQL ngày 11/7/2022 của Ban quản lý khu kinh tế tỉnh L về tiền thuê đất, thuê mặt nước theo hình thức nộp hàng năm.

- Hủy Thông báo nộp tiền số 200/TB-BQL ngày 11/7/2022 của Ban quản lý kinh tế tỉnh L về tiền thuê đất, thuê mặt nước theo hình thức nộp hàng năm.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Công ty cổ phần T2 không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Trả lại cho Công ty cổ phần T2 số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu AC-21P, số 0000293 ngày 10/3/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh H (Do ông Trần Trường G nộp thay).

Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Bản án còn thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/8/2023, người bị kiện (Ban quản lý khu kinh tế tỉnh L) kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng Khoản 3, khoản 8, Điều 8 Nghị định số 35/2017/NĐ-CP của Chính phủ và Đ a Khoản 3 Điều 8 Thông tư 89/2017/TT-BTC ngày 23/8/2017 của Bộ T3, để hủy bỏ toàn bộ Quyết định của Bản án sơ thẩm và giữ nguyên giá trị pháp lý của 2 Thông báo nộp tiền thuê đất (số 199/TB-BQL và số 200/TB-BQL) của Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh L đối với Công ty T2.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện xác định không rút đơn khởi kiện; người khởi kiện và người bị kiện xác định không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án:

Ông Hà Đức T (đại diện theo ủy quyền của người bị kiện) trình bày giữ nguyên các căn cứ lập luận như đã nêu tại Tòa án cấp sơ thẩm về áp dụng pháp luật, còn cho rằng bản án sơ thẩm đưa ra nhận định không đúng “Công ty T2 thực hiện đúng mục đích sử dụng đất thì tiếp tục được miễn tiền thuê đất cho thời gian

ưu đãi còn lại mà không phải làm thủ tục để được miễn” tạo tiền lệ áp dụng không đúng quy định của pháp luật; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện;

Đại diện theo ủy quyền của Công Ty T2 giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm đã được thực hiện đúng quy định; về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của công ty T2 có căn cứ chấp nhận, Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ và tranh tụng tại phiên tòa; sau khi thảo luận và nghị án;

[1] Ngày 10/3/2023, Tòa án nhân dân tỉnh H thụ lý vụ án hành chính đơn khởi kiện của Công ty T2 yêu cầu hủy Thông báo về tiền thuê đất, thuê mặt nước theo hình thức nộp hàng năm số 199/TB-BQL ngày 11/7/2022 và số 200/TB-BQL ngày 11/7/2022 của Ban quản lý kinh tế tỉnh L, là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 115, Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2] Xét kháng cáo của người bị kiện:

[2.1] Công ty TNHH X được UBND tỉnh L cho thuê 4.510,5m² đất để thực hiện Dự án Xưởng sửa chữa ô tô, máy móc thiết bị công trình và sản xuất bê tông xi măng (tại Lô A, đường A, khu công nghiệp B, phường D, thành phố L, tỉnh H), dưới hình thức trả tiền thuê đất hàng năm. Do thuộc trường hợp được miễn tiền thuê đất và Công ty TNHH X đã nộp hồ sơ xin miễn nên Cục thuế tỉnh L miễn tiền thuê đất cho Công ty tại Quyết định số 2012/QĐ-CT ngày 23/6/2015 (theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 19 Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ), thời gian miễn tính từ tháng 11/2014 đến hết tháng 05/2025.

Ngày 17/5/2017, Công ty TNHH X đã chuyển nhượng lại Dự án đầu tư và tài sản gắn liền với thửa đất thuê cho Công ty T2. Do vậy, ngày 29/11/2017 UBND tỉnh L ban hành Quyết định số 5330/QĐ-UBND cho Công ty T2 thuê lô đất trên dưới hình thức trả tiền thuê đất hàng năm (thời hạn sử dụng đất đến hết ngày 08/3/2062) và ngày 22/01/2018, UBND tỉnh L ký Hợp đồng số 07/HĐĐĐ cho Công ty T2 thuê đất.

Sau khi nhận chuyển nhượng Dự án, Công ty T2 tiếp sử dụng đúng mục đích và đã nộp hồ sơ xin tiếp tục hưởng ưu đãi miễn tiền thuê đất và đã được chấp thuận miễn (từ tháng 4/2022 đến hết tháng 5/2025 tại Quyết định số 86/QĐ-BQL ngày 14/6/2022 của Ban Q về việc miễn tiền thuê đất cho Công ty T2).

[2.2] Về Thông báo nộp tiền số 199/TB-BQL ngày 11/7/2022 và Thông báo nộp tiền số 200/TB-BQL ngày 11/7/2022 của Ban quản lý kinh tế tỉnh L, yêu cầu Công ty T2 nộp tiền thuê đất năm 2018, năm 2019, năm 2020, năm 2021 và từ tháng 01/2022 đến 4/2022, với lý do Công ty không làm thủ tục miễn tiền thuê đất trong khoảng thời gian này. Thấy rằng:

Trước thời điểm Công ty TNHH X chuyển nhượng Dự án, theo quy định của pháp luật, cơ quan thuế có thẩm quyền giải quyết về hồ sơ miễn giảm; ban hành thông báo và thu tiền thuê đất hàng năm tại các Khu kinh tế, khu công nghệ cao; tuy nhiên, Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao (có hiệu lực từ ngày 20/6/2017) quy định do Ban quản lý Khu kinh tế thực hiện;

- Mục 2 Điều 2 Quyết định giao đất số 5330/QĐ-UBND ngày 29/11/2017 của UBND tỉnh L cho Công ty T2 ghi: Cục thuế tỉnh xác định đơn giá thuê đất và thông báo cho Công ty T2 nộp tiền thuê đất theo quy định.

Hợp đồng thuê đất số 07/HĐTD của UBND tỉnh L đối với Công ty T2 ghi: Nơi nộp tiền thuê đất là Chi cục thuế thành phố L.

- Tuy nhiên, ngày 16/01/2018, UBND tỉnh L mới có văn bản số 170/UBND-TH triển khai thực hiện Nghị định số 35/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao; và để Ban quản lý Khu kinh tế thực hiện nhiệm vụ quản lý thu tiền thuê đất trong Khu kinh tế, Cục thuế tỉnh L có văn bản số 1201/CT-THNVDT ngày 03/4/2018 gửi Ban quản lý khu kinh tế tỉnh H và các Chi cục thuế triển khai thực hiện, kèm theo là danh mục các tổ chức thuê đất trong khu kinh tế, trong đó số thứ tự 129 là Công ty T2 ghi: Quyết định miễn số 2102/QĐ-CT 11/2014-5/2025.

Sau đó, tại Biên bản làm việc ngày 09/7/2020 giữa đại diện Ban Q với Công ty T2 (mục đích rà soát hoạt động các Dự án đầu tư), Ban Q vẫn xác định Công ty T2 được hưởng ưu đãi miễn tiền thuê đất đến tháng 6/2025. Các biên bản kiểm tra của Chi cục Thuế khu vực H- Mường Khương ngày 25/12/2020, của Đoàn Kiểm tra - phòng KTNB ngày 25/8/2021 Cục thuế tỉnh L, đều có nội dung ghi nhận: Công ty T2 được miễn tiền thuê đất theo Quyết định miễn số 2102/QĐ-CT ngày 23/9/2015 (miễn đến hết tháng 5/2025).

- Tại Văn bản số 762/BQL-TNMT ngày 25/5/2023, Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh L cũng thừa nhận hàng năm mới chỉ hướng dẫn đơn vị thuê đất làm thủ tục sang tên Quyết định miễn tiền thuê đất (áp dụng đối với các đơn vị nhận chuyển nhượng) và Nghị định số 35/2017/NĐ-CP có điểm mới về thu thuế đất, là nhiệm vụ mới nên các phòng chuyên môn chưa có kinh nghiệm, việc sắp xếp hồ sơ của các doanh nghiệp thuê đất trong Khu kinh tế còn chưa khoa học, việc cập nhật theo dõi chưa được thường xuyên.

- Như vậy, đủ cơ sở xác định Ban quản lý khu kinh tế, Cục thuế tỉnh H vẫn

xác định là Công ty T2 tiếp tục được hưởng miễn tiền thuê đất theo Quyết định miễn số 2102/QĐ-CT ngày 23/9/2015; phù hợp thực tế là năm 2018, 2019, 2020, 2021 đều không có thông báo nộp tiền thuê đất hàng năm đối với Công ty T2 mà chỉ yêu cầu Công ty H thủ tục miễn tiền thuê đất do nhận chuyển nhượng Dự án. Thực tế, Công ty T2 đã nộp hồ sơ xin hưởng ưu đãi và đã được chấp thuận miễn (như trên đã nêu) đến hết thời gian ưu đãi (tháng 5/2025).

- Với các tình tiết nêu trên, áp dụng các quy định tại khoản 1, điểm b khoản 4 Điều 8 Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao và hướng dẫn thi hành tại Thông tư số 89/2017/TT-BTC ngày 23/8/2017 của Bộ T3, Bản án sơ thẩm quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T2, hủy Thông báo nộp tiền số 199/TB-BQL ngày 11/7/2022 và Thông báo nộp tiền số 200/TB-BQL ngày 11/7/2022 của Ban quản lý kinh tế tỉnh L, là có căn cứ. Phần nhận định của bản án sơ thẩm có đưa ra phân tích cho rằng *không phải làm thủ tục để được miễn*, là không phù hợp quy định của pháp luật, nhưng phần Quyết định của Bản án sơ thẩm đúng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên.

[3] Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của người bị kiện yêu cầu sửa bản án sơ thẩm (bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện). Do vậy, người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 220, khoản 1 Điều 241, khoản 1 Điều 349 (án phí phúc thẩm) Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Bác kháng cáo và giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2023/HC-ST ngày 31/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh L phải chịu 300.000 đồng. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai số 0000359 ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh H được đối trừ đi số tiền án phí phải nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 29/01/2024.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- Cục THADS tỉnh H;
- Lưu hồ sơ vụ án, TANDCC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Vân Hương

